

**Báo cáo tài chính riêng Công
ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Thành Đạt**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		314,169,201,333	384,541,090,361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	92,057,391,070	85,877,561,267
1. Tiền	111		22,148,716,490	5,210,821,319
2. Các khoản tương đương tiền	112		69,908,674,580	80,666,739,948
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138,003,743,057	147,756,038,579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	107,637,064,202	123,277,969,198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	27,659,036,670	21,931,161,850
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	3,890,092,025	3,729,357,371
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(1,182,449,840)	(1,182,449,840)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	83,760,127,653	148,083,083,298
1. Hàng tồn kho	141		83,760,127,653	148,083,083,298
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		347,939,553	2,824,407,217
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	-	311,815,979
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50,984,035	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		296,955,518	2,512,591,238
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		146,375,252,965	107,912,414,346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
II. Tài sản cố định	220		48,024,389,041	52,073,516,332
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	48,024,389,041	52,073,516,332
- Nguyên giá	222		93,572,872,975	92,540,349,462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45,548,483,934)	(40,466,833,130)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	92,880,000,000	51,248,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		26,000,000,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		66,880,000,000	51,248,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,470,863,924	4,590,898,014
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5,470,863,924	4,590,898,014
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		460,544,454,298	492,453,504,707

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B01a-DN

(tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		211,256,638,637	259,921,366,564
I. Nợ ngắn hạn	310		206,834,638,637	255,499,366,564
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	46,732,983,651	80,836,636,476
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	150,608,220,019	159,647,547,776
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5,806,115,967	3,908,863,312
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	160,000,000	160,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	3,356,319,000	3,356,319,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	171,000,000	7,590,000,000
II. Nợ dài hạn	330		4,422,000,000	4,422,000,000
7. Phải trả dài hạn khác	337		2,922,000,000	2,922,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1,500,000,000	1,500,000,000
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249,287,815,661	232,532,138,143
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	249,287,815,661	232,532,138,143
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200,000,000,000	200,000,000,000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		49,287,815,661	32,532,138,143
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32,495,758,681	12,684,868,965
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16,792,056,980	19,847,269,178
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		460,544,454,298	492,453,504,707

Hà Nam, ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Dương Thị Thu Hiền

Nguyễn Mạnh Tuyên

Nguyễn Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH DẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2018

Mẫu số B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	172,201,800,675	76,971,866,791	258,268,428,924	199,226,664,821
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172,201,800,675	76,971,866,791	258,268,428,924	199,226,664,821
3. Giá vốn hàng bán	11	6.3	150,083,767,611	70,468,136,514	226,973,600,605	181,949,215,185
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22,118,033,064	6,503,730,277	22,118,033,064	17,277,449,636
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	397,486,627	1,301,317,874	408,789,650	3,313,085,703
6. Chi phí tài chính	22	6.5	264,766,556	154,650,445	340,254,035	642,082,945
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		264,766,556	154,650,445	340,254,035	642,082,945
7. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7,850,212,435	3,693,168,813	10,824,331,254	6,148,113,665
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,400,540,700	3,957,228,893	14,400,540,700	13,800,338,729
10. Thu nhập khác	31	6.6	95,848,594	92,992,200	451,038,546	228,215,000
11. Chi phí khác	32		-	699,823,324	-	699,823,324
12. Lợi nhuận khác	40		95,848,594	(606,831,124)	451,038,546	(471,608,324)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,496,389,294	3,350,397,769	20,990,071,226	13,328,730,405
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2,899,277,859	753,013,888	4,198,014,245	2,748,680,415
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11,597,111,435	2,597,383,881	16,792,056,981	10,580,049,990
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		580	130	840	529
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

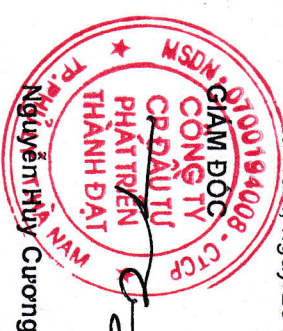
Hà Nam, ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tuyên



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Theo phương pháp gián tiếp
Quý 2 năm 2018

Mẫu số B03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20,990,071,226	(13,328,730,405)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,269,590,067	7,075,512,354
- Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(397,486,627)	(21,685,703)
- Chi phí lãi vay	06		264,766,556	642,082,945
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08		28,126,941,222	(5,632,820,809)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11,739,993,143	2,526,104,233
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		64,322,955,645	20,553,197,953
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		(43,436,197,029)	41,769,177,271
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(568,149,931)	1,500,331,164
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(264,766,556)	(642,082,945)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,369,009,087)	(3,056,579,209)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57,551,767,407	57,017,327,658
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,763,969,686)	(6,867,854,546)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1,045,545,455	181,818,182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(14,500,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	152,165,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(41,632,000,000)	(47,348,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		397,486,627	21,685,703

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43,952,937,604)	83,652,649,339
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74,336,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(7,419,000,000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7,419,000,000)	(64,336,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6,179,829,803	76,333,976,997
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	85,877,561,267	9,543,584,270
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	92,057,391,070	85,877,561,267

Hà Nam, ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tuyên



Nguyễn Huy Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B09a-DN

Quý 2 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Văn phòng Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, cung cấp nước sạch và bán bê tông thương phẩm.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt, thi công sản nhà công nghiệp, thi công phòng chống và xử lý môi, một các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, hàng điện tử; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất lắp đặt các thiết bị xử lý nước mặt và nước ngầm;
- Vận tải hành khách du lịch, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Công ty có chi nhánh như sau:

Tên

Công ty Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên

Địa chỉ

Thôn Dỹ Phổ, xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Quý 2 năm 2018

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 99 người, trong đó số nhân viên quản lý là 15 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Văn phòng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 03 tháng).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Văn phòng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Quý 2 năm 2018

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Quý 2 năm 2018

Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Văn phòng Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	03 - 05 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình**4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Quý 2 năm 2018

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Quý 2 năm 2018

4.13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.14. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuế suất thuế GTGT đối với hợp đồng xây dựng và bê tông thương phẩm: 10%
- Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Quý 2 năm 2018

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	6,940,981,142	3,383,747,727
Tiền gửi ngân hàng	15,207,735,348	1,827,073,592
Các khoản tương đương tiền	69,908,674,580	80,666,739,948
Cộng	92,057,391,070	85,877,561,267

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	107,637,064,202	123,277,969,198
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	51,091,545,536	56,070,953,519
- Ban QLDA Thanh Liêm - Hạ tầng xung quanh Bệnh viện Bạch Mai	2,581,638,000	7,281,638,000
- Ban QLDA Thanh Liêm - Cụm CN Kien Khê	21,000,000,000	21,000,000,000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hà Nam - Lô CĐV	8,227,285,017	24,506,693,000
- Ban QLDAXD Phủ Lý- Cụm CN Kien Khê (Tôn Hoa Sen)	11,000,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Hoa Sen- Móng nhà xưởng	8,282,622,519	3,282,622,519
Phải thu khách hàng khác	56,545,518,666	67,207,015,679
Cộng	107,637,064,202	123,277,969,198

b) Phải thu khách hàng dài hạn**c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan****5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty TNHH VTXD & TM Trường Giang Hà Nam	2,204,202,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Đông	-	6,500,000,000
- Công ty TNHH Phương Lâm	5,345,099,468	5,977,693,118
- Công ty TNHH Vận Tải Đức An	-	2,606,535,400
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hạ tầng Nam Hải	3,600,000,000	1,000,000,000
- Các công ty khác	16,509,735,202	5,846,933,332
Cộng	27,659,036,670	21,931,161,850

5.4 Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3,890,092,025		3,729,357,371	
- Phải thu khác	3,890,092,025		3,729,357,371	
Chi tiết:				
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Mô Địa Chất	-		-	
+ Đối tượng khác	193,854,485		74,812,667	
+ Lãi cho vay phải thu (ông Nguyễn Huy Cường)	3,696,237,540		3,487,066,667	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-		167,478,037	
Cộng	3,890,092,025		3,729,357,371	
b) Dài hạn				
c) Phải thu khác là các bên liên quan:				
+ Lãi cho vay phải thu (ông Nguyễn Huy Cường)	3,696,237,540		3,487,066,667	

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
--	---------------------	---------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09a - DN**

Quý 2 năm 2018

	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên vật liệu	4,595,394,910		6,717,417,446	
Công cụ, dụng cụ	1,039,233,636		-	
Chi phí SXKD dở dang	77,962,923,004		141,365,639,789	
Thành phẩm nhập kho	162,576,103		26,063	
Cộng	83,760,127,653		148,083,083,298	

5.6 Chi phí trả trước

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
a) Ngắn hạn	-	311,815,979
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	-	311,815,979
b) Dài hạn	5,470,863,924	4,590,898,014
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	100,667,160	145,069,364
- Chi phí trả trước dài hạn khác	356,218,183	356,218,183
- Chi phí cấp quyền khai thác cát	5,013,978,581	4,089,610,467
Cộng	5,470,863,924	4,902,713,993

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phù Lỗ, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý 2 năm 2018

5.8 . NỢ XẤU

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị : VND

	6/1/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu ngắn hạn	1,182,449,840	-	(1,182,449,840)	-
+ Ban GPMB BTHT và TĐC - Tái định cư khu vườn tổng xã Liêm Cần	5,931,500	-	(5,931,500)	-
+ Công ty CP Tasco Trường Phát	200,001,840	-	(200,001,840)	-
+ Công ty CP Xây dựng Thương mại Hà An	194,182,500	-	(194,182,500)	-
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Lam Phương	512,020,000	-	(512,020,000)	-
+ Trường THPT Phỷ Lý B	103,454,000	-	(103,454,000)	-
+ UBND thị trấn Kiến Khê	41,676,000	-	(41,676,000)	-
+ Viện KSNĐ tỉnh Hà Nam	125,184,000	-	(125,184,000)	-
Cộng	1,182,449,840	-	(1,182,449,840)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý 2 năm 2018

Mẫu số B09a - DN

5.9 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	92,880,000,000	(*)		(*)
- Đầu tư vào Công ty con	26,000,000,000			
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt- tỷ lệ sở hữu 100%	26,000,000,000	(*)		(*)
- Đầu tư vào Công ty liên kết	66,880,000,000	(*)		(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III - chiếm tỷ lệ 46%	47,348,000,000	(*)		(*)
+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam chiếm tỷ lệ 39%	19,532,000,000	(*)		(*)
Cộng	92,880,000,000	(*)		(*)
			51,248,000,000	(*)

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty liên kết trong kỳ:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Cho thuê cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ hạ tầng Khu công nghiệp.
- Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: kinh doanh vận tải đường bộ, dịch vụ hải quan, cước tàu nội địa, cước tàu quốc tế...

Các giao dịch của yếu tố của Công ty với các công ty liên kết trong kỳ:

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III.

(*) Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.1.iv - Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý 2 năm 2018

Mẫu số B09a - DN

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2,138,050,205	48,864,810,131	36,651,434,094	762,321,818	4,123,733,214	92,540,349,462
Tăng trong kỳ		3,763,969,686				3,763,969,686
Giảm trong kỳ		(2,731,446,173)				(2,731,446,173)
- Giảm khác		(2,731,446,173)				(2,731,446,173)
Số dư cuối kỳ	2,138,050,205	49,897,333,644	36,651,434,094	762,321,818	4,123,733,214	93,572,872,975
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	876,407,974	19,633,347,223	15,452,094,572	432,464,364	4,072,518,997	40,466,833,130
Tăng trong kỳ	57,785,142	3,711,838,306	3,372,520,220	76,232,182	51,214,217	7,269,590,067
- Số khấu hao trong kỳ	57,785,142	3,711,838,306	3,372,520,220	76,232,182	51,214,217	7,269,590,067
Giảm trong kỳ		(2,187,939,263)				(2,187,939,263)
- Giảm khác		(2,187,939,263)				(2,187,939,263)
Số dư cuối kỳ	934,193,116	21,157,246,266	18,824,614,792	508,696,546	4,123,733,214	45,548,483,934
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1,261,642,231	29,231,462,908	21,199,339,522	329,857,454	51,214,217	52,073,516,332
2. Tại ngày cuối kỳ	1,203,857,089	28,740,087,378	17,826,819,302	253,625,272		48,024,389,041

Trong đó nguyên giá tài sản:

- Thế chấp, cầm cố:

- Đã khấu hao hết, đang sử dụng:

4,811,031,854 VND

5,575,539,236 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phù Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý 2 năm 2018

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND
01/01/2018

30/06/2018

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	171,000,000	171,000,000	-	7,419,000,000	7,590,000,000	7,590,000,000
Vay ngắn hạn VND	171,000,000	171,000,000	-	7,419,000,000	7,590,000,000	7,590,000,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam (1)	-	-	-	6,500,000,000	6,500,000,000	6,500,000,000
Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm (2)	-	-	-	750,000,000	750,000,000	750,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam (3)	171,000,000	171,000,000	169,000,000	-	340,000,000	340,000,000
b) Vay dài hạn	1,500,000,000	1,500,000,000	-	-	1,500,000,000	1,500,000,000
Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm (2)	1,500,000,000	1,500,000,000	-	-	1,500,000,000	1,500,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam (3)	-	-	-	-	-	-
Cộng	1,671,000,000	1,671,000,000	-	7,419,000,000	9,090,000,000	9,090,000,000

Chi tiết các khoản vay như sau:

STT	Đối tượng	Số hợp đồng và ngày hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	02/2017-HĐTD/NHCT384-THANHĐAT	15,000,000,000	3 tháng	6,8%/ năm cho kỳ đầu tiên.	Bổ sung vốn lưu động	Bảng tài sản của công ty và của bên thứ ba
2	Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm	2901LAV/20150602 3 ngày 29/12/2015	3,000,000,000	48 tháng	9,6%/năm	Thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng kinh tế số 2812-01/IMID-TP/HĐKT/2015	Bảng tài sản của công ty và của bên thứ ba
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam	143/2015/CVTL/HN A ngày 02/07/2015	2,020,000,000	36 tháng	7,22%/năm	Thanh toán một phần chi phí mua ô tô tài trợ nhân hiệu Shacman	3 ô tô nhãn hiệu Shacman BKS: 90C038.88; 90C-037.68; 90C-039.64

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	46,732,983,651	46,732,983,651	80,836,636,476	80,836,636,476
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	18,715,059,642	18,715,059,642	49,689,313,443	49,689,313,443
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	2,312,312,429	2,312,312,429	2,290,768,230	2,290,768,230
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thăng Long	11,200,000,000	11,200,000,000	22,800,000,000	22,800,000,000
- Công ty TNHH VTXD&TM Trường Giang Hà Nam	-	-	15,395,798,000	15,395,798,000
- Công ty TNHH Xây dựng Phúc Huỳnh	5,202,747,213	5,202,747,213	9,202,747,213	9,202,747,213
Các khoản phải trả người bán khác	28,017,924,009	28,017,924,009	31,147,323,033	31,147,323,033
Cộng	46,732,983,651	46,732,983,651	80,836,636,476	80,836,636,476

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT	28,128,608,800	45,897,600,000
- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT	15,644,841,600	43,733,700,000
- Ban QLDA Đầu tư huyện Thanh Liêm- SN cụm CN Kiện Khê	13,000,000,000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III	65,000,000,000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	28,834,769,619	70,016,247,776
Cộng	150,608,220,019	159,647,547,776

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ Đã khấu trừ trong kỳ	30/06/2018
- Thuế GTGT	76,798,568	460,800,000	228,024,035	309,574,533
- Thuế TNDN	3,826,809,640	4,198,014,245	2,545,963,151	5,478,860,734
- Thuế TNCN	-	3,696,205	3,696,205	-
- Thuế Tài nguyên	5,255,104	880,383,300	867,957,704	17,680,700
- Các loại thuế khác	-	384,367,600	384,367,600	-
Cộng	3,908,863,312	5,927,261,350	4,030,008,695	5,806,115,967
b) Phải thu				
- Thuế GTGT nộp thừa	2,512,591,238	20,545,386,918	18,129,525,523	96,729,843
- Phí Bảo vệ tài nguyên môi trường	-	1,000,000	196,210,400	195,210,400
- Thuế Tài nguyên	-	-	5,015,275	5,015,275
Cộng	2,512,591,238	20,546,386,918	18,330,751,198	296,955,518

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	160,000,000	160,000,000
- Trích trước chi phí kiểm toán	160,000,000	160,000,000
Cộng	160,000,000	160,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

5.16 Các khoản phải trả khác

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3,356,319,000	3,356,319,000
Cộng	3,356,319,000	3,356,319,000
b) Dài hạn		
- Phải trả dài hạn khác	2,922,000,000	2,922,000,000
<i>Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi (*)</i>	<i>2,922,000,000</i>	<i>2,922,000,000</i>
Cộng	2,922,000,000	2,922,000,000

5.16 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	200,000,000,000		18,684,868,965	218,684,868,965
Tăng vốn trong năm trước	-		-	-
Lãi trong năm trước			19,847,269,178	19,847,269,178
Tăng khác			-	-
Giảm vốn trong năm trước			-	-
Giảm khác			(6,000,000,000)	(6,000,000,000)
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000		32,532,138,143	232,532,138,143
Tăng vốn trong kỳ này			-	-
Lãi trong kỳ			16,792,056,981	16,792,056,981
Tăng khác			-	-
Giảm vốn trong kỳ			-	-
Phân phối lợi nhuận			-	-
Lỗ trong kỳ			-	-
Giảm khác			(36,379,463)	(36,379,463)
Số dư cuối năm	200,000,000,000		49,287,815,661	249,360,574,587

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Vốn góp của các đối tượng khác	200,000,000,000	200,000,000,000
Cộng	200,000,000,000	200,000,000,000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200,000,000,000	200,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6,000,000,000
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán

để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
11,597,111,435	2,597,383,881
20,000,000	20,000,000
580	130

*Các quỹ của doanh nghiệp***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu bán bê tông

- Doanh thu xây lắp

- Doanh thu bán đất khu nhà ở Khê Lôi

- Doanh thu bán hàng hóa khác

Cộng

Doanh thu các bên liên quan

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
2,754,974,226	8,672,873,643
109,716,296,637	63,445,162,727
55,936,517,212	-
3,794,012,600	4,853,830,421
172,201,800,675	76,971,866,791
-	-

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

- Giá vốn bán bê tông

- Giá vốn xây lắp

- Giá vốn bán đất khu nhà ở Khê Lôi

- Giá vốn dịch vụ khác

Cộng

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
2,311,428,250	7,723,986,230
97,241,345,787	56,135,717,587
47,731,960,901	-
2,799,032,673	6,608,432,697
150,083,767,611	70,468,136,514

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, cho vay

Cộng

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
397,486,627	1,301,317,874
397,486,627	1,301,317,874

6.5 Chi phí tài chính

Lãi tiền vay

Cộng

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
264,766,556	154,650,445
264,766,556	154,650,445

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09a - DN**

Quý 2 năm 2018

6.6 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	95,848,594	-
- <i>Giá trị còn lại</i>	58,696,861	-
- <i>Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định</i>	154,545,455	-
Các khoản chi phí khác	-	92,992,200
Cộng	95,848,594	92,992,200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp

*Chi phí khấu hao tài sản cố định**Chi phí nhân công*

Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Cộng

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
7,850,212,435	3,693,168,813
3,627,276,288	547,323,299
1,848,347,061	246,867,486
1,778,929,227	300,455,814
4,222,936,147	3,145,845,514
7,850,212,435	3,693,168,813

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
55,286,412,954	51,639,875,024
14,696,162,512	20,141,551,758
7,269,590,067	3,582,124,935
21,742,213,932	8,827,559,912
1,397,117,979	2,588,462,056
100,391,497,445	86,779,573,685

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế

+ *Chi phí không được trừ*

- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế

+ *Lãi cổ tức được chia trong năm*

Thu nhập chịu thuế

Thuế suất thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)	Từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 (VND)
14,496,389,294	3,350,397,769
-	414,671,669
-	414,671,669
-	-
-	-
14,496,389,294	3,765,069,438
20%	20%
2,899,277,859	753,013,888

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro tín dụng

- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/03/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92,057,391,070		92,057,391,070
Phải thu khách hàng	107,637,064,202		107,637,064,202
Đầu tư	-	92,880,000,000	92,880,000,000
Phải thu khác	3,890,092,025	-	3,890,092,025
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,182,449,840)	-	(1,182,449,840)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	202,402,097,457	92,880,000,000	295,282,097,457
Các khoản vay và nợ	171,000,000	1,500,000,000	1,671,000,000
Phải trả người bán	46,732,983,651		46,732,983,651
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3,516,319,000	2,922,000,000	6,438,319,000
Tổng cộng	50,420,302,651	4,422,000,000	54,842,302,651
Chênh lệch thanh khoản thuần	151,981,794,806	88,458,000,000	240,439,794,806
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85,877,561,267		85,877,561,267
Phải thu khách hàng	123,277,969,198		123,277,969,198
Đầu tư		51,248,000,000	51,248,000,000
Phải thu khác	3,729,357,371	-	3,729,357,371
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,182,449,840)		(1,182,449,840)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	211,702,437,996	51,248,000,000	262,950,437,996
Các khoản vay và nợ	7,590,000,000	1,500,000,000	9,090,000,000
Phải trả người bán	80,836,636,476		80,836,636,476
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3,516,319,000	2,922,000,000	6,438,319,000
Tổng cộng	91,942,955,476	4,422,000,000	96,364,955,476
Chênh lệch thanh khoản thuần	119,759,482,520	46,826,000,000	166,585,482,520

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý 2 năm 2018

Mẫu số B09a - DN**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VNĐ
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư	66,880,000,000	51,248,000,000	(*)	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110,344,706,387	127,007,326,569	110,344,706,387	127,007,326,569	
Tài sản tài chính khác					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
Tiền và các khoản tương đương tiền	92,057,391,070	85,877,561,267	92,057,391,070	85,877,561,267	
Tổng cộng	269,282,097,457	264,132,887,836	(*)	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	1,671,000,000	9,090,000,000	1,671,000,000	9,090,000,000	
Phải trả người bán	46,732,983,651	80,836,636,476	46,732,983,651	80,836,636,476	
Phải trả khác	3,516,319,000	3,516,319,000	3,516,319,000	3,516,319,000	
Tổng cộng	51,920,302,651	93,442,955,476	51,920,302,651	93,442,955,476	

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09a - DN**

Quý 2 năm 2018

8.2 Báo cáo bộ phận**8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ****8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán****8.6 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Huy Cường	Hà Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018 (VND)
Ông Nguyễn Huy Cường	Giám đốc	48,905,183
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng	37,501,458
Ông Trần Việt Đức	Phó Giám đốc	25,538,462

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Quý 2 năm 2018

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

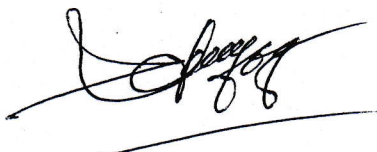
8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Dương Thị Thu Hiền

Nguyễn Mạnh Tuyển

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Huy Cường